

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HS-ST

Ngày 05-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân : bà Lò Thị Hạnh và bà Lò Thị Dậu

- Thư ký phiên tòa: bà Lò Thị Thu- Thư ký TAND huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: ông Lò Văn Nhung– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2021/HS-ST ngày 13/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HS ngày 15/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐ-HPT ngày 26/01/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Giàng A H** - Tên gọi khác: không; Sinh ngày 17/9/2000 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Giàng A S– Sinh năm 1962 và bà Vừ Thị C– Sinh năm 1964; vợ là Lò Thị C1- sinh năm 2002, Bị cáo chưa có con. Tiền sự: không; Tiền án: không; Nhân thân: tốt; Tạm giữ: không, tạm giam: không, Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/10/2020 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Thào A L- Sinh năm 1990; trú tại thôn B, xã D, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Lò Thị C1- sinh năm 2002; Trú tại: Thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- Người làm chứng:

+ Giàng Thị L- sinh năm 2003; Trú tại: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên, vắng mặt; Người đại diện hợp pháp là bà Giàng Thị P- sinh năm 1973. Có mặt

+ Giàng A S- sinh năm 1971; Trú tại: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ Giàng Thị P- sinh năm 1973; Trú tại: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

+ Vàng Thị D- sinh năm 1995; Trú tại: thôn Đ, xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- Người phiên dịch: ông Giàng A Dè – Sinh năm 1985; trú tại Tổ dân phố Thành

Công, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/10/2020 Bị cáo Giàng A H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 37D1-065.22 đi từ thị trấn T vào thôn P, xã M, huyện T; Tại thôn P, khoảng 23 giờ, Bị cáo nhìn thấy một con trâu đực, lông màu đen của anh Thào A L đang buộc ở cạnh đường gần nhà Thào A D trú tại thôn P. Thấy vắng người, không có ai trông coi nên Bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm con trâu để bán. Bị cáo dùng chiếc đèn pin mang theo để soi tháo đầu dây buộc trâu, rồi dắt con trâu đi theo đường ô tô từ thôn P đi qua thôn V, xã Q, đi tiếp đến thôn Đ, xã S, trên đường đi Bị cáo thả con trâu đi trước và dắt xe đi sau, đến đoạn đường mòn rẽ vào thôn N, xã S, Bị cáo dắt con trâu vào buộc ở đó. Sau đó đi xe mô tô về nhà Bị cáo tại thôn H, xã S. Sau khi ăn sáng xong, Bị cáo nói với vợ là đi kéo gỗ và nhờ vợ điều khiển xe đưa xuống khu vực buộc con trâu trước đó. Đến nơi vợ Bị cáo quay xe về nhà, còn Bị cáo dắt trâu đi vào khu vực N, thuộc thôn Đ, xã S; khi đi qua lán nương của gia đình ông Giàng A S vào khoảng 08 giờ ngày 23/10/2020 Bị cáo thấy có 04 người, có người hỏi Bị cáo đưa trâu đi đâu, Bị cáo nói dối họ là đưa đi kéo gỗ. Khi đi đến đất nương ông Giàng A P là chủ của Bị cáo thuộc thôn Đ, Bị cáo cởi dây thừng trên mũi con trâu, thả con trâu vào một khe núi và dùng cây, que chặn không cho con trâu đi ra. Những ngày sau thỉnh thoảng Bị cáo có đến xem, cho con trâu uống nước và ăn cỏ. Bị hại Thào A L sau khi đi tìm kiếm các nơi, đến khoảng 16 giờ ngày 27/10/2020 đã thấy con trâu bị mất trộm tại khe núi thuộc đất nương nhà ông P nên đã trình báo sự việc.

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 con trâu đực lông màu đen, 01 đoạn dây thừng, 01 con dao, 01 vỏ bao dao bằng gỗ, 01 xe mô tô, 01 chìa khóa xe mô tô, 01 đèn pin, 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu OPPO.

Trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý vật chứng: trả lại 01 con trâu cho Bị hại, trả lại 01 điện thoại di động OPPO cho Bị cáo.

Kết luận định giá tài sản số 26/KL-ĐGTS ngày 29/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T đã kết luận: giá thị trường tại thời điểm tháng 10/2020 của 01 con trâu đực lông màu đen, sừng dài 54cm, khoảng 05 tuổi, trị giá 20.950.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Bị cáo khai mục đích lấy trộm trâu là để đem bán lấy tiền chi tiêu sinh hoạt gia đình và để trả nợ ngân hàng, nhưng sau khi lấy được trâu Bị cáo không biết bán cho ai nên để trong khe núi đến khi Bị hại tìm thấy.

Bị hại Thào A L có lời khai phù hợp với lời khai của Bị cáo về đặc điểm con trâu và vị trí bị mất, vị trí Bị hại tìm thấy trâu. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho Bị hại với số tiền 5.000.000 đồng, Bị hại không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có lời khai phù hợp với lời khai của Bị cáo về diễn biến quá trình thực hiện hành vi.

Cáo trạng của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Giàng A H về tội "trộm cắp tài sản", tại phiên tòa đại diện VKSND huyện T đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản nhưng cho hưởng án treo, áp dụng thời gian thử thách đối với Bị cáo từ 36 tháng đến 48 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, chấp nhận việc Bị cáo đã bồi thường xong cho Bị hại số tiền 5.000.000 đồng; Về vật chứng đề nghị công nhận quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra về việc trả lại 01 con trâu cho Bị hại, trả 01 điện thoại di động cho Bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho gia đình Bị cáo 01 chiếc xe mô tô (có chìa khóa xe kèm theo), đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại gồm 01 đoạn dây thừng, 01 con dao, 01 vỏ bao dao, 01 chiếc đèn pin và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra, bị hại không yêu cầu Bị cáo bồi thường gì thêm; Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt người người làm chứng Giàng Thị L, xét người làm chứng đã có lời khai tại cơ quan điều tra và sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Qua lời khai của Bị cáo và các chứng cứ được làm rõ tại phiên tòa đã xác định được:

Khoảng 23 giờ ngày 22/10/2020, lợi dụng đêm tối, Bị hại Thào A L đã đi ngủ không quản lý được tài sản, bị cáo đã lén lút lấy 01 con trâu đực, lông màu đen, khoảng 5 tuổi của Bị hại và mang đi cất giấu, mục đích để đem bán lấy tiền.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại xác nhận khoảng thời gian, địa điểm mất, địa điểm Bị hại tìm thấy trâu, phù hợp với đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt và tài sản cơ quan Điều tra đã thu lại được, phù hợp với các vật chứng cơ quan điều tra thu giữ, kết quả khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của những người làm chứng ...

Như vậy có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã lợi dụng lúc chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm 01 con trâu với mục đích bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 20.950.000 đồng, Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, VKSND huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo chưa có tiền án, chưa có tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại với số tiền 5.000.000 đồng, nên cần xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b,i,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo thực hiện hành vi một mình, không có đồng phạm, mục đích phạm tội giản đơn chỉ để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và để trả nợ ngân hàng.

Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu do bột phát, tuổi đời còn rất trẻ và có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho Bị hại, quá trình điều tra và xét xử Bị cáo đã thực sự ăn năn, hối cải, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra theo yêu cầu của Bị hại.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, sửa chữa lỗi lầm và việc cho Bị cáo ở ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và cần giao cho chính quyền địa phương và gia đình Bị cáo quản lý, giám sát, giáo dục cũng đủ để bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, qua đó cũng thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo làm nông nghiệp, đang sống cùng bố mẹ, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, điều kiện kinh tế không có nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

[6] Bồi thường dân sự: Trong quá trình Điều tra, Bị cáo đã bồi thường 5.000.000 đồng cho Bị hại, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu Bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử cần công nhận Bị cáo đã bồi thường xong cho Bị hại.

[7] Các vấn đề liên quan: Đối với Lò Thị C1 là người đã điều khiển xe mô tô chở Bị cáo đến khu vực Bị cáo cất giấu con trâu, quá trình điều tra đã làm rõ Lò Thị C1 không biết việc Bị cáo trộm cắp trâu nên cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm là phù hợp.

[8] Xử lý vật chứng:

- 01 con trâu là tài sản hợp pháp của gia đình anh Thào A L, cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

- 01 điện thoại di động thu giữ của Bị cáo, đã làm rõ bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Bị cáo là phù hợp với quy định.

- Đối với 01 chiếc xe mô tô, 01 chìa khóa xe mô tô thu giữ của Bị cáo, đã làm rõ chiếc xe là phương tiện sử dụng của gia đình, Bị cáo không sử dụng để làm phương tiện thực hiện tội phạm nên cần trả lại cho gia đình Bị cáo.

- Đối với 01 chiếc đèn pin là vật bị cáo đã sử dụng để soi tháo dây buộc trâu, soi đường khi dắt trâu, 01 con dao là vật bị cáo đã sử dụng để chặt cây che giấu con trâu, cắt cỏ cho trâu ăn, 01 đoạn dây thừng buộc trâu, 01 vỏ bao dao bằng gỗ là những tang vật, phương tiện phạm tội và vật không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ) nên cần miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ khoản 1 điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, VKSND huyện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Giàng A H phạm tội: Trộm cắp tài sản

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b,i,s khoản 1 Điều 51; các khoản 1,2,5 điều 65 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Giàng A H **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (05/02/2021).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Điện Biên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã S trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Bồi thường dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự

Công nhận Bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho Bị hại Thào A L với số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*), Bị hại đã nhận đủ.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các điểm a,c khoản 2, khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Bị cáo 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO, biển kiểm soát 37D1-065.22, 01 chìa khóa xe mô tô.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc đèn pin, 01 con dao, 01 vỏ bao dao bằng gỗ, 01 đoạn dây thừng.

Số vật chứng trên cơ quan thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa.

4. Án phí : Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- CQTHAHS huyện, tỉnh;
- TAND tỉnh; Sở Tư Pháp;
- THADS huyện;
- UBND xã S, huyện T
- Bị cáo, Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HSVA, HSTHA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA